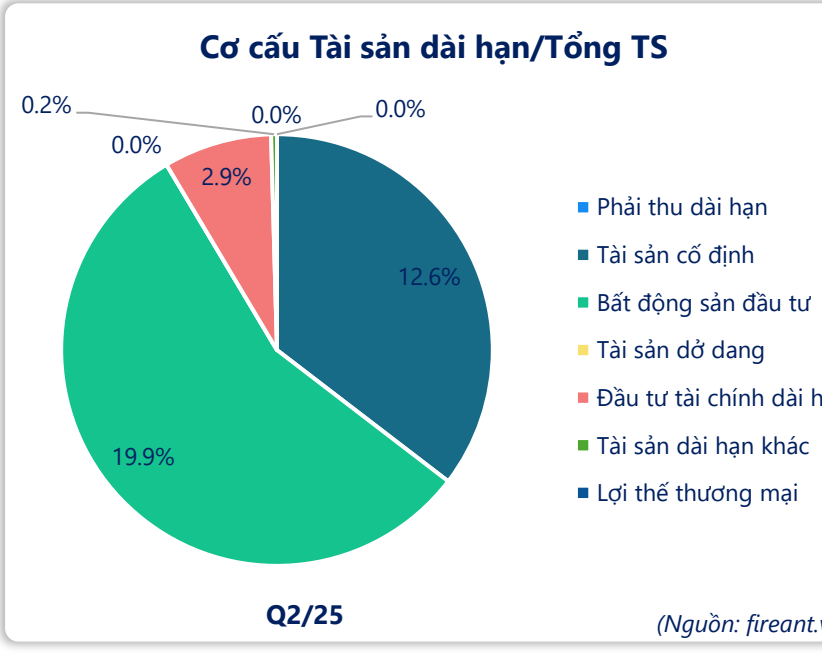
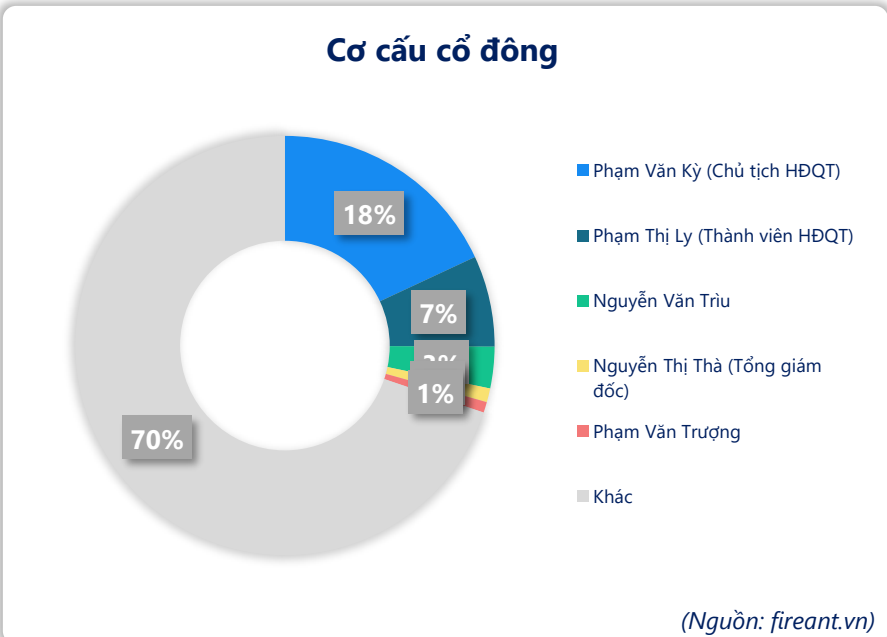
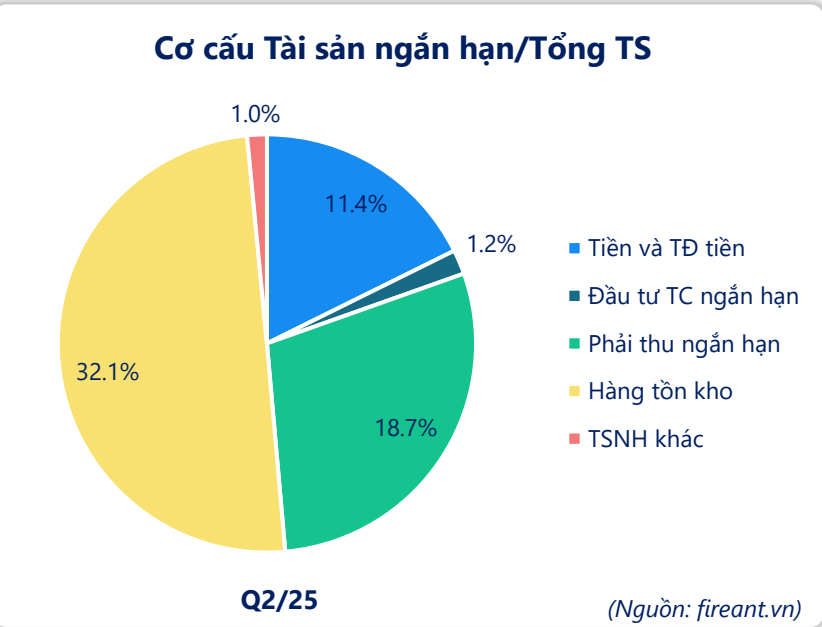
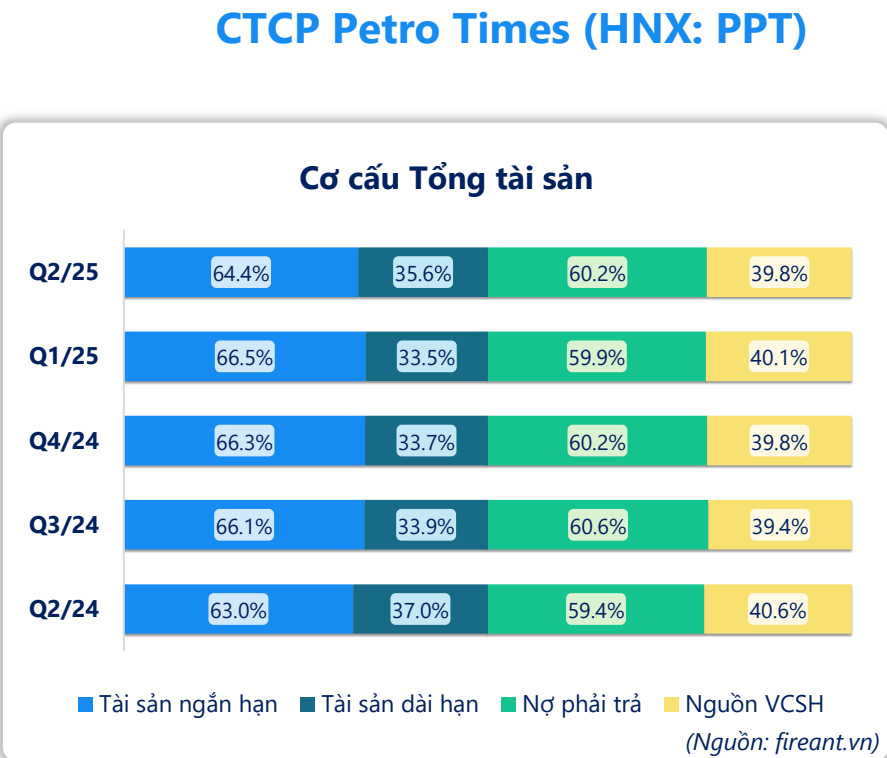
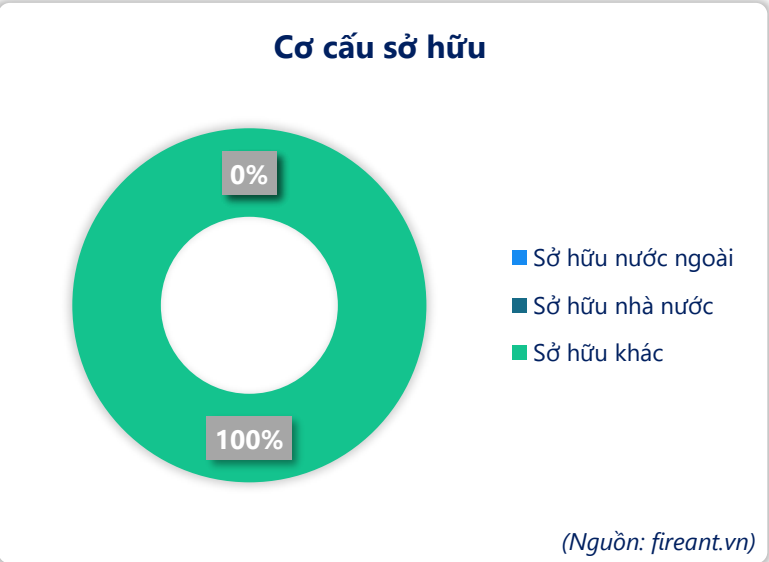
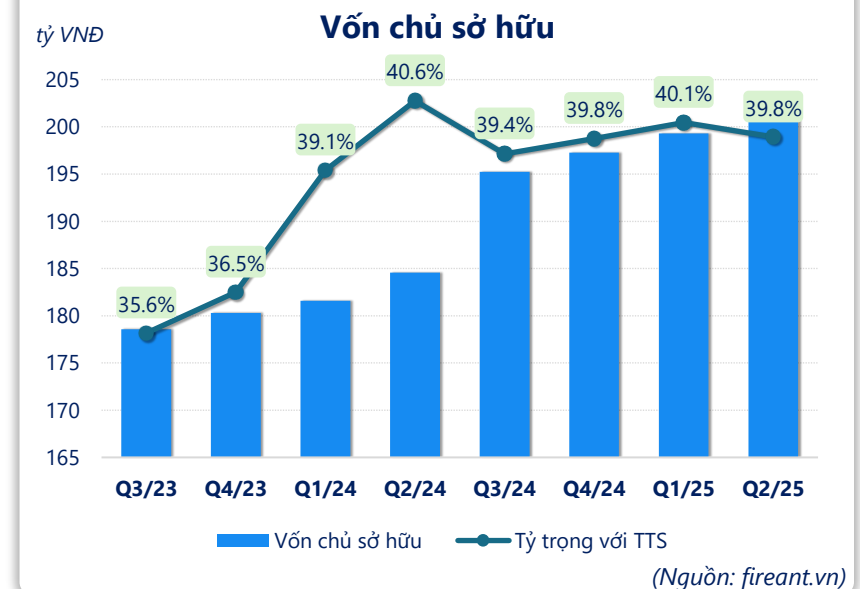
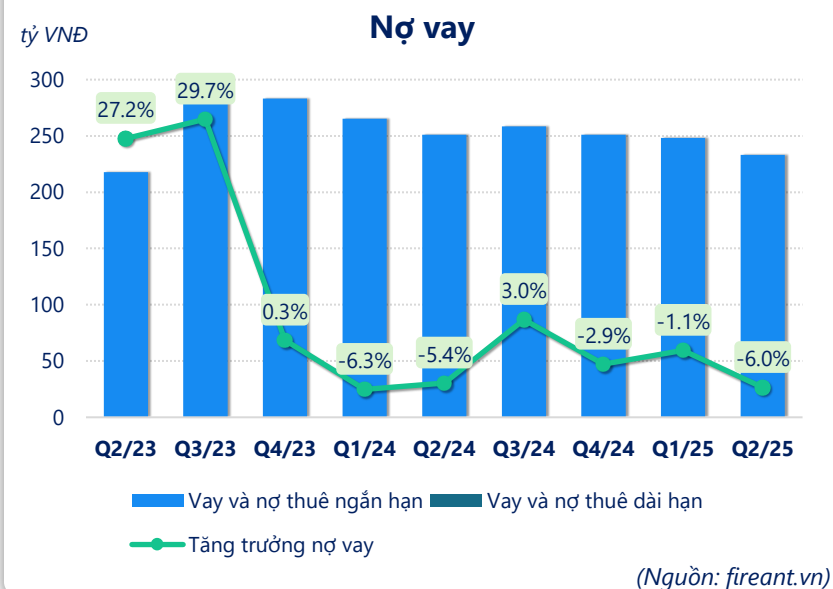
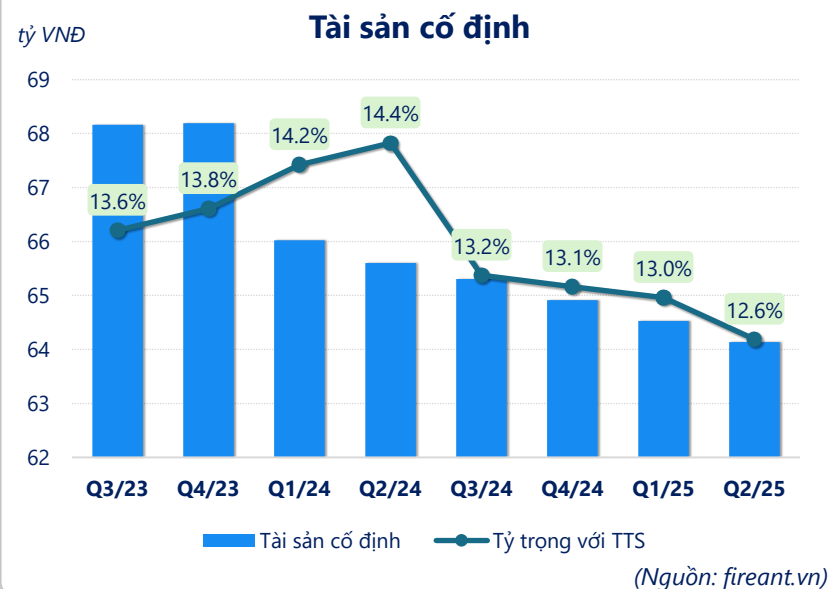
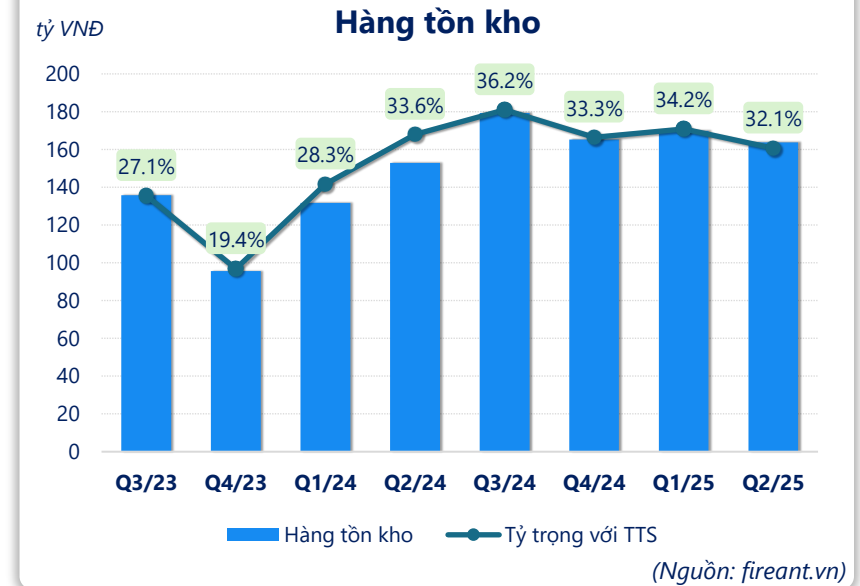
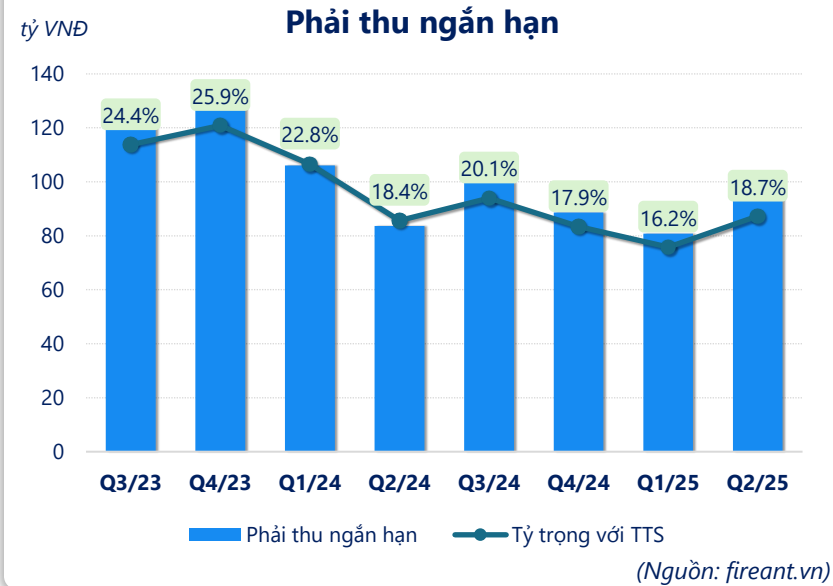
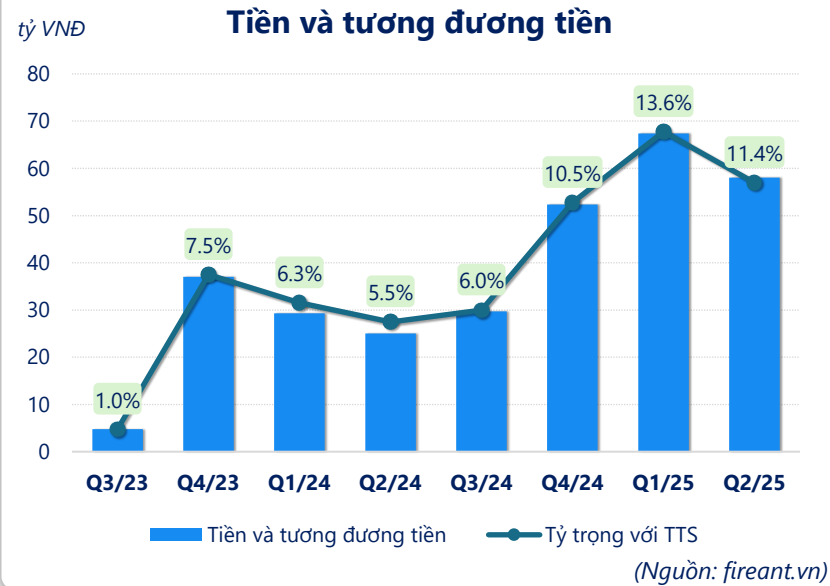
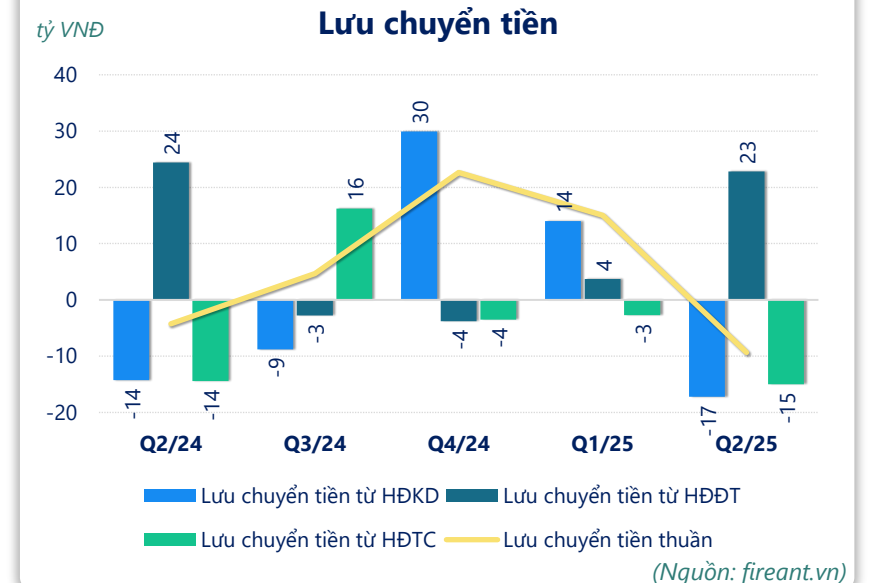
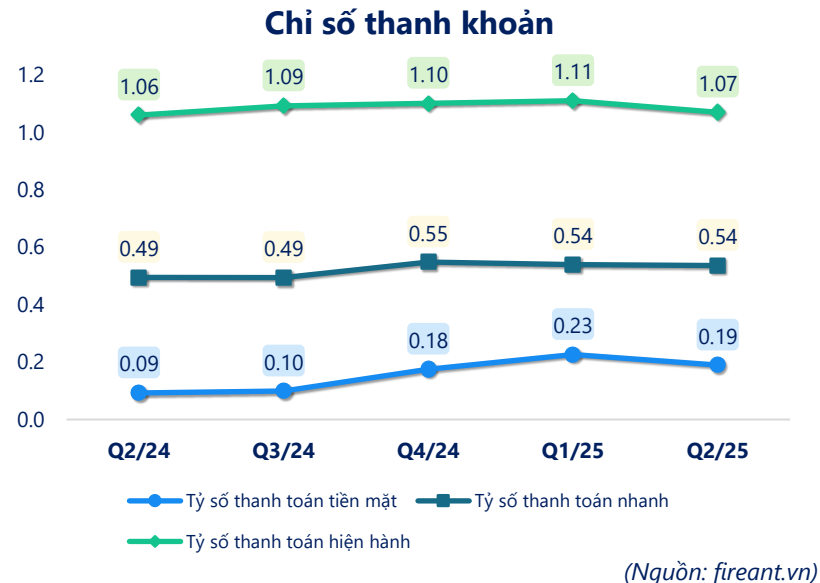
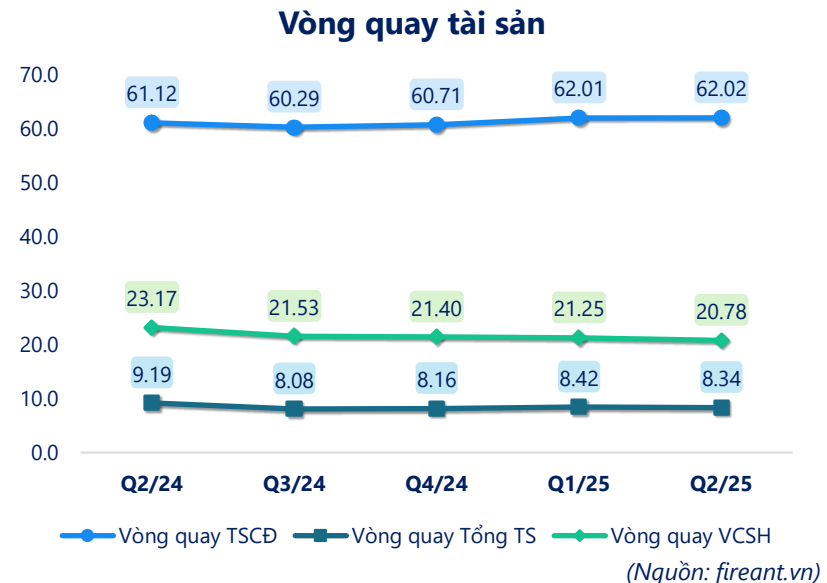
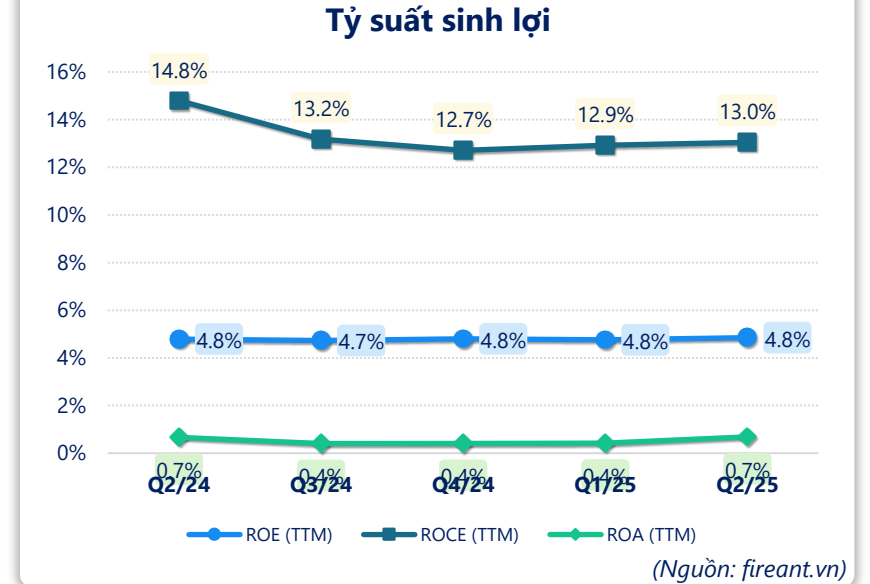
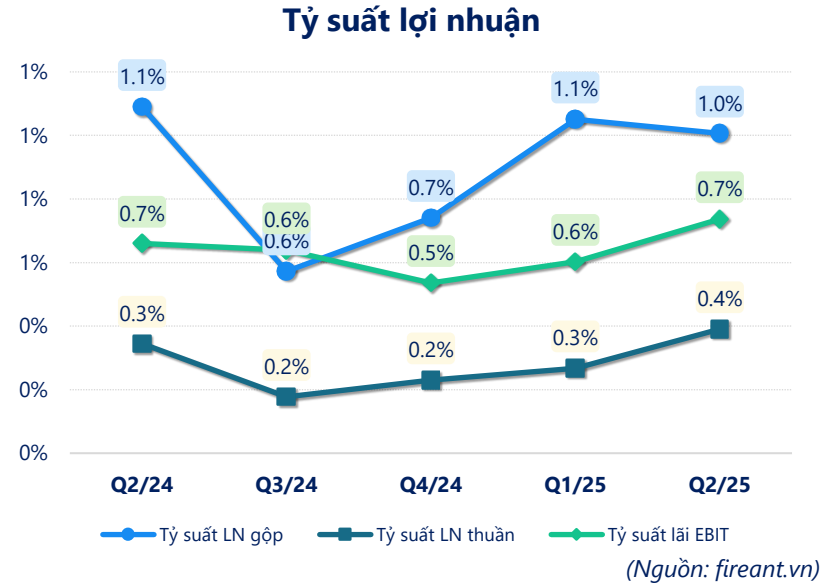
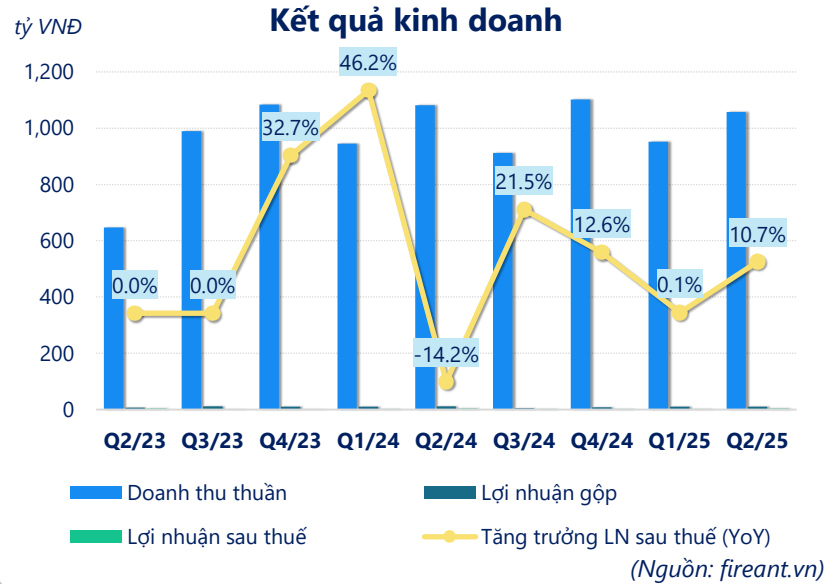


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,815
SL cổ phiếu LH		19,644,923
KLGD BQ 20 phiên (CP)		281,780
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		259
P/E		27.6
EPS		478

	YTD	1T	3T	6T
PPT	7.2%	10.5%	14.0%	7.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	509	496	2.6%
Tài sản ngắn hạn	328	329	-0.3%
Tiền và tương đương tiền	58.0	52.4	10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.20	16.2	-61.7%
Phải thu ngắn hạn	95.2	88.2	8.0%
Hàng tồn kho	164	166	-1.2%
Tài sản ngắn hạn khác	4.98	6.68	-25.5%
Tài sản dài hạn	181	167	8.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	64.1	64.9	-1.2%
Bất động sản đầu tư	102	102	0.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	0	
Tài sản dài hạn khác	0.79	0.67	17.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	307	299	2.6%
Nợ ngắn hạn	307	299	2.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	233	251	-7.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	60.6	36.7	65.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	197	2.7%
Vốn chủ sở hữu	203	197	2.7%
Vốn điều lệ	196	182	8.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,082	912	1,102	952	1,057
Giá vốn hàng bán	1,070	907	1,093	942	1,047
Lợi nhuận gộp	11.8	5.22	8.16	10.0	10.6
Doanh thu HĐTC	0.38	4.93	3.23	0.27	3.48
Chi phí TC	3.40	3.35	3.41	3.23	3.72
Chi phí lãi vay	3.40	3.30	3.37	3.19	3.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.78	3.95	3.89	3.51	4.90
Chi phí QLDN	1.25	1.23	1.56	0.98	1.37
LN thuần từ HĐKD	3.73	1.62	2.53	2.55	4.13
Lợi nhuận khác	0	0.91	0.00	0	0
LN trước thuế	3.73	2.53	2.53	2.55	4.13
Lợi nhuận sau thuế	2.99	2.02	2.02	2.04	3.30
LNST của CĐ cty mẹ	2.99	2.02	2.02	2.04	3.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.2	-8.79	29.9	14.0	-17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.4	-2.78	-3.77	3.73	22.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-14.4	16.2	-3.50	-2.71	-15.0
Tiền đầu kỳ	29.3	25.0	29.7	52.4	67.4
Lưu chuyển tiền thuần	-4.24	4.67	22.6	15.0	-9.33
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	25.0	29.7	52.4	67.4	58.0

(Nguồn: fireant.vn)